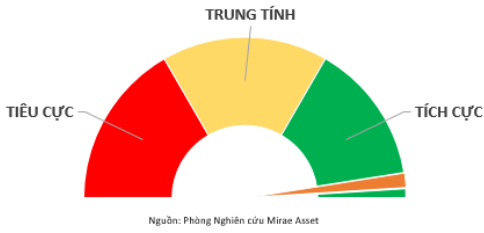


Thang đo sức mạnh thị trường



20 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

| | Thị giá | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|-----------|-----------|--------|--------|--------|
| VN-INDEX | 1,278.22 | 1.25 | 0.78 | 49.87 |
| HNX | 295.10 | -0.05 | -0.46 | 175.95 |
| UPCOM | 79.75 | -0.08 | -2.42 | 47.66 |
| MSCI EM | 1,327.54 | -0.42 | -1.49 | 42.52 |
| NIKKEI | 28,098.25 | 0.19 | -3.44 | 36.43 |
| HANG SENG | 28,450.29 | -0.50 | -2.25 | 16.66 |
| KOSPI | 3,162.28 | -0.34 | -1.14 | 59.66 |
| FTSE | 6,951.73 | 0.02 | 1.34 | 14.58 |
| S&P 500 | 4,115.68 | -0.29 | -0.47 | 38.50 |
| NASDAQ | 13,299.74 | -0.03 | -3.53 | 41.85 |

Định giá thị trường

| | P/E (x) | P/B (x) | ROE (%) |
|-------------|---------|---------|---------|
| VN-INDEX | 17.41 | 2.58 | 15.07 |
| SET INDEX | 29.74 | 1.68 | 5.92 |
| JCI INDEX | 28.20 | 1.56 | 4.33 |
| PCOMP INDEX | 26.64 | 1.53 | 5.94 |

Lãi suất tham chiếu

| | Thị giá | 1D (bps) | 1M (bps) | 1Y (bps) |
|--------|---------|----------|----------|----------|
| Cơ bản | 4.00 | 0 | 0 | -50 |
| 5 năm | 1.14 | 0 | -2 | -79 |
| 10 năm | 2.34 | 0 | -3 | -56 |

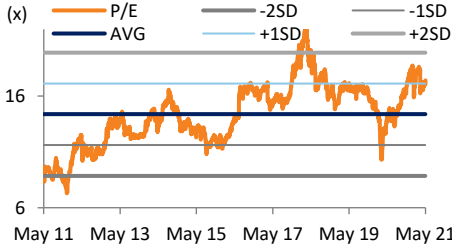
Tỷ giá ngoại hối

| | Thị giá | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|----------|---------|--------|--------|--------|
| US\$/VND | 23,048 | 0.00 | 0.10 | 0.96 |
| US\$/KRW | 1,132 | -0.17 | -1.75 | 8.67 |
| US\$/JPY | 109 | 0.26 | -0.76 | -1.29 |
| US\$/EUR | 0.82 | -0.10 | -1.24 | -9.91 |
| US\$/GBP | 0.71 | 0.01 | -1.24 | -13.28 |
| US\$/SGD | 1.33 | 0.09 | -0.29 | 5.99 |

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

| | Gần nhất | TB 1 tháng | TB 1 năm |
|----------|----------|------------|----------|
| VN-INDEX | 859 | 812 | 415 |
| HNX | 122 | 101 | 54 |
| UPCOM | 25 | 34 | 25 |

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Xoay chiều bút tốc

Sau phiên giao dịch hưng khởi ngày hôm qua, VN-Index mở cửa trong tâm lý khá dè dặt của nhà đầu tư và cộng thêm tác động giảm điểm từ trường chứng khoán quốc tế, thị trường chuyển sang trạng thái giao dịch giằng co mạnh vào buổi sáng. Tuy nhiên vào phiên giao dịch buổi chiều, đà tăng nhanh chóng bút tốc cho đến phiên ATC với lực bán được đẩy vào mạnh khiến VN-Index tăng điểm và đóng cửa cao nhất ngày. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.278 điểm, tăng 15,7 điểm, tương ứng +1,25% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 22.728 tỷ đồng, HNX: 2.625 tỷ đồng, UPCOM: 964 tỷ đồng.

Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm VN30 khi nhóm này chiếm hơn 60% giá trị giao dịch toàn sàn HOSE. Trong nhóm VN30, phiên ngày hôm nay ghi nhận đà tăng mạnh vượt trội của nhóm Bán lẻ - Tiêu Dùng với MSN (+5,2%), MWG (+5,9%), PNJ (+6,2%). Ở chiều ngược lại, nhóm Dầu khí tiếp tục thể hiện tiêu cực với nhiều mã giảm giá. Nhóm Thép cũng chìm trong sắc đỏ, chỉ có HPG duy trì được sắc xanh

Khối ngoại hôm nay bán ròng xấp xỉ 500 tỷ đồng, tập trung nhiều vào KDH (282 tỷ) và VPB (119 tỷ).

Sau 2 phiên giao dịch tăng điểm mạnh liên tiếp, các chỉ số kỹ thuật của VN-Index đang ở mức cao nhất. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã tăng lên mức +7, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*) | Trạng thái |
|--------------------|-------------------------------|------------|
| VNINDEX | 7 | KHẢ QUAN |
| VN30 | 7 | KHẢ QUAN |
| VN30F1M | 7 | KHẢ QUAN |
| VN DIAMOND | 5 | KHẢ QUAN |
| VN FIN SELECT | 2 | TRUNG TÍNH |
| Shanghai Composite | 2 | TRUNG TÍNH |
| Kospi | 0 | TRUNG TÍNH |
| Nikkei 225 | -2 | TRUNG TÍNH |
| FTSE 100 (EU) | -3 | TRUNG TÍNH |
| Dow Jones | -4 | TIÊU CỰC |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|---------------|---|------------|
| VNINDEX | 7 | KHẢ QUAN |
| VN30 | 7 | KHẢ QUAN |
| VN30F1M | 7 | KHẢ QUAN |
| VN DIAMOND | 5 | KHẢ QUAN |
| VN FIN SELECT | 2 | TRUNG TÍNH |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

| Chỉ tiêu VN-Index | Chỉ tiêu | Điểm số |
|----------------------------------|------------|--------------|
| Đóng cửa (20/05/2021) | Kháng cự 1 | 1.300 |
| Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần) | Kháng cự 2 | 1.350 |
| Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng) | Hỗ trợ 1 | 1.220 |
| Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng) | Hỗ trợ 2 | 1.180 |

VN-Index tiếp tục thể hiện đà tăng mạnh mẽ và tiến về vùng kháng cự mạnh 1.300 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

| Chỉ tiêu | | Chỉ tiêu | Điểm số |
|---------------------------------|----------|------------|--------------|
| VN30F1M - đóng cửa (20/05/2021) | 1.425 | Kháng cự 1 | 1.400 |
| Xu hướng ngắn hạn (chart ngày) | TÍCH CỰC | Kháng cự 2 | 1.450 |
| VN30 - đóng cửa | 1.424.9 | Hỗ trợ 1 | 1.350 |
| Chênh lệch VN30F1M & VN30 | +0 | Hỗ trợ 2 | 1.300 |

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|-------------------------|---|-----------------|
| VN30F1M (chart 15 phút) | +7 | KHẢ QUAN |
| VN30F1M (chart 60 phút) | +7 | KHẢ QUAN |
| VN30F1M (chart ngày) | +7 | KHẢ QUAN |

VN30F1M đảo hạn hợp đồng Tháng 05 và tiếp tục lập đỉnh lịch sử, các chỉ số giao dịch intra-day đều đạt ngưỡng tối đa.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

| Mã | Đóng cửa | KLTB 20N | Điểm kỹ thuật (*) | Xu hướng ngắn hạn | Vốn hóa | P/E | P/BV |
|--------|----------|------------|-------------------|-------------------|-----------|----------|-------|
| Đơn vị | (KVNĐ) | | | | (tỷ đồng) | (lần) | (lần) |
| AAA | 14.85 | 4,372,365 | -7 | TIÊU CỰC | 3,293 | 10.6 | 0.9 |
| ACB | 37.4 | 9,596,750 | 7 | KHẢ QUAN | 80,842 | 9.4 | 2.1 |
| AMD | 6.22 | 9,877,240 | -7 | TIÊU CỰC | 1,017 | 41.4 | 0.6 |
| ART | 10.2 | 5,539,835 | 2 | TRUNG TÍNH | 989 | 37.8 | 0.9 |
| BID | 41.85 | 2,965,780 | 2 | TRUNG TÍNH | 168,321 | 20.4 | 2.1 |
| BMI | 32.35 | 915,140 | 7 | KHẢ QUAN | 2,955 | 14.5 | 1.3 |
| BSR | 14.6 | 11,323,325 | -1 | TRUNG TÍNH | 45,267 | #N/A N/A | 1.5 |
| BVH | 52.8 | 865,215 | -5 | TIÊU CỰC | 39,195 | 20.7 | 1.9 |
| CIJ | 20 | 2,001,150 | -2 | TRUNG TÍNH | 4,777 | 359.5 | 1.0 |
| CTG | 48.9 | 18,757,200 | 7 | KHẢ QUAN | 182,074 | 10.3 | 2.0 |
| CTR | 72.8 | 475,950 | -5 | TIÊU CỰC | 5,226 | 18.7 | 4.9 |
| DBC | 53.4 | 1,702,125 | -5 | TIÊU CỰC | 5,594 | 3.8 | 1.2 |
| DCM | 16.8 | 2,445,690 | 4 | KHẢ QUAN | 8,894 | 15.0 | 1.4 |
| DGC | 66.9 | 1,012,510 | -4 | TIÊU CỰC | 11,445 | 12.2 | 2.8 |
| DGW | 138.5 | 346,460 | 7 | KHẢ QUAN | 5,956 | 18.1 | 4.7 |
| DHC | 104.9 | 341,675 | 5 | KHẢ QUAN | 5,874 | 12.5 | 4.0 |
| DIG | 27.6 | 3,682,675 | 2 | TRUNG TÍNH | 9,669 | 12.6 | 2.0 |
| DXG | 23.35 | 7,284,055 | -2 | TRUNG TÍNH | 12,102 | #N/A N/A | 1.8 |
| EIB | 26 | 1,171,610 | -2 | TRUNG TÍNH | 31,965 | 36.5 | 1.9 |
| FIT | 11.5 | 3,180,290 | 7 | KHẢ QUAN | 2,929 | 43.0 | 1.0 |
| FLC | 12.1 | 29,348,376 | 2 | TRUNG TÍNH | 8,591 | 6.3 | 0.9 |
| FPT | 95.5 | 2,498,100 | 7 | KHẢ QUAN | 75,360 | 20.2 | 4.5 |
| GAS | 80.8 | 837,100 | -7 | TIÊU CỰC | 154,647 | 20.5 | 3.1 |
| GEX | 24.4 | 4,564,990 | -7 | TIÊU CỰC | 11,913 | 11.6 | 1.6 |
| GIL | 62.6 | 555,120 | -7 | TIÊU CỰC | 2,253 | 5.6 | 1.6 |
| GMD | 38.8 | 2,849,495 | 7 | KHẢ QUAN | 11,693 | 31.1 | 1.9 |
| GVR | 24.7 | 3,285,115 | 2 | TRUNG TÍNH | 98,800 | 22.6 | 2.1 |
| HAG | 5.18 | 7,859,805 | -5 | TIÊU CỰC | 4,804 | #N/A N/A | 1.0 |
| HAH | 28.8 | 1,478,630 | 7 | KHẢ QUAN | 1,365 | 8.2 | 1.2 |
| HAI | 4.73 | 6,058,490 | -4 | TIÊU CỰC | 864 | 121.7 | 0.4 |
| HAP | 12.6 | 2,180,020 | -4 | TIÊU CỰC | 699 | 16.0 | 1.0 |
| HBC | 14.65 | 4,466,945 | -4 | TIÊU CỰC | 3,382 | 38.2 | 0.9 |
| HCM | 37 | 5,069,105 | 7 | KHẢ QUAN | 11,287 | 15.0 | 2.4 |
| HDB | 32 | 7,142,510 | 7 | KHẢ QUAN | 51,001 | 10.4 | 2.1 |
| HDC | 43.4 | 635,920 | 5 | KHẢ QUAN | 2,887 | 10.8 | 2.4 |
| HDG | 40.8 | 880,350 | 2 | TRUNG TÍNH | 6,294 | 5.8 | 1.9 |
| HNG | 10.6 | 8,151,650 | -5 | TIÊU CỰC | 11,751 | 451.5 | 1.3 |
| HPG | 66.6 | 28,228,416 | 7 | KHẢ QUAN | 220,665 | 12.2 | 3.3 |
| HPX | 35.9 | 939,635 | 7 | KHẢ QUAN | 9,495 | 88.0 | 2.9 |
| HQC | 3.52 | 21,705,536 | 0 | TRUNG TÍNH | 1,678 | 235.3 | 0.4 |
| HSG | 38.05 | 14,591,130 | 2 | TRUNG TÍNH | 16,918 | 7.0 | 2.1 |
| HUT | 6.5 | 4,231,700 | 5 | KHẢ QUAN | 1,746 | #N/A N/A | 0.6 |
| IDC | 34.3 | 1,851,000 | 4 | KHẢ QUAN | 10,290 | 32.8 | 2.8 |
| IJC | 26.1 | 2,314,730 | 2 | TRUNG TÍNH | 5,666 | 8.5 | 1.7 |
| ITA | 6.86 | 13,190,655 | -7 | TIÊU CỰC | 6,437 | 31.0 | 0.6 |
| KBC | 30.7 | 5,461,405 | -7 | TIÊU CỰC | 14,422 | 18.7 | 1.4 |
| KDC | 51.1 | 1,210,590 | 0 | TRUNG TÍNH | 11,689 | 38.0 | 2.0 |
| KDH | 36.5 | 5,273,695 | -4 | TIÊU CỰC | 20,396 | 17.1 | 2.4 |
| KLF | 5.1 | 10,309,915 | -4 | TIÊU CỰC | 843 | #N/A N/A | 0.5 |
| KSB | 26.55 | 1,094,105 | -2 | TRUNG TÍNH | 1,769 | 7.0 | 1.1 |
| LDG | 6.64 | 5,517,275 | -7 | TIÊU CỰC | 1,590 | 144.3 | 0.5 |
| LPB | 23.5 | 17,606,010 | 6 | KHẢ QUAN | 25,254 | 11.2 | 1.7 |

| | | | | | | | |
|-----|-------|------------|----|------------|---------|----------|----------|
| MBB | 34.5 | 20,640,464 | 6 | KHẢ QUAN | 96,557 | 9.6 | 1.9 |
| MBS | 24.5 | 1,958,400 | 5 | KHẢ QUAN | 5,651 | 13.5 | 2.1 |
| MSN | 113.6 | 2,838,885 | 7 | KHẢ QUAN | 133,444 | 88.7 | 8.3 |
| MWG | 150 | 1,163,550 | 5 | KHẢ QUAN | 71,315 | 16.6 | 4.1 |
| NKG | 30.9 | 6,107,945 | 4 | KHẢ QUAN | 5,315 | 9.3 | 1.5 |
| NLG | 36.9 | 2,637,025 | -2 | TRUNG TÍNH | 10,526 | 9.2 | 1.6 |
| NVB | 17.2 | 5,896,410 | 0 | TRUNG TÍNH | 6,997 | 644.8 | 1.6 |
| NVL | 141 | 2,282,040 | 2 | TRUNG TÍNH | 152,525 | 33.7 | 4.8 |
| PDR | 73 | 3,592,320 | 1 | TRUNG TÍNH | 35,534 | 27.0 | 6.7 |
| PET | 19.8 | 1,841,815 | -5 | TIÊU CỰC | 1,655 | 10.7 | 1.0 |
| PHR | 50.4 | 678,660 | -2 | TRUNG TÍNH | 6,829 | 7.1 | 2.1 |
| PLX | 54.4 | 1,817,975 | 4 | KHẢ QUAN | 67,663 | 18.7 | 2.9 |
| PNJ | 99.3 | 546,735 | 1 | TRUNG TÍNH | 22,577 | 20.0 | 3.9 |
| POW | 11.45 | 11,211,610 | -5 | TIÊU CỰC | 26,814 | 11.0 | 0.9 |
| PVD | 19.35 | 5,397,635 | 1 | TRUNG TÍNH | 8,149 | 125.9 | 0.6 |
| PVS | 20.8 | 7,648,585 | 2 | TRUNG TÍNH | 9,942 | 15.1 | 0.8 |
| PVT | 16.15 | 2,386,845 | -6 | TIÊU CỰC | 5,227 | 7.1 | 1.0 |
| REE | 58.4 | 667,410 | 7 | KHẢ QUAN | 18,049 | 10.1 | 1.5 |
| ROS | 6.81 | 34,378,120 | 0 | TRUNG TÍNH | 3,865 | 212.5 | 0.6 |
| S99 | 19.3 | 1,545,905 | -4 | TIÊU CỰC | 1,012 | 4.9 | 1.2 |
| SAB | 152.1 | 206,625 | -4 | TIÊU CỰC | 97,539 | 20.1 | 4.9 |
| SBT | 19.3 | 2,820,410 | -4 | TIÊU CỰC | 11,911 | 17.1 | 1.5 |
| SCR | 7.76 | 3,834,275 | -6 | TIÊU CỰC | 2,843 | 16.1 | 0.6 |
| SHB | 29 | 22,048,924 | 2 | TRUNG TÍNH | 55,841 | 16.7 | 2.2 |
| SHI | 27.65 | 2,053,660 | 2 | TRUNG TÍNH | 2,519 | 33.1 | 2.3 |
| SHS | 33.2 | 8,023,295 | 7 | KHẢ QUAN | 6,881 | 7.0 | 1.8 |
| SMC | 39.5 | 983,015 | 0 | TRUNG TÍNH | 2,406 | 4.8 | 1.4 |
| SSI | 38.5 | 13,798,335 | 7 | KHẢ QUAN | 24,866 | 13.9 | 2.2 |
| STB | 29.4 | 46,270,204 | 7 | KHẢ QUAN | 53,027 | 19.7 | 1.8 |
| TCB | 50.2 | 16,915,190 | 7 | KHẢ QUAN | 175,946 | 12.3 | 2.2 |
| TCH | 21.95 | 4,915,600 | 2 | TRUNG TÍNH | 8,548 | 8.6 | 1.5 |
| TIG | 14.6 | 1,951,310 | -2 | TRUNG TÍNH | 1,327 | 15.4 | 1.3 |
| TLH | 18.3 | 3,191,475 | -4 | TIÊU CỰC | 1,842 | 24.2 | 1.2 |
| TPB | 33 | 6,167,865 | 7 | KHẢ QUAN | 34,045 | 8.7 | 1.9 |
| TSC | 15.1 | 5,828,425 | 7 | KHẢ QUAN | 2,229 | 132.5 | 1.4 |
| TTF | 6.53 | 5,601,930 | -7 | TIÊU CỰC | 2,032 | #N/A N/A | #N/A N/A |
| VCB | 99 | 2,035,285 | -2 | TRUNG TÍNH | 367,179 | 17.3 | 3.6 |
| VCI | 73.9 | 2,002,545 | 5 | KHẢ QUAN | 12,304 | 13.0 | 2.5 |
| VHM | 102 | 5,113,905 | 3 | TRUNG TÍNH | 335,530 | 13.0 | 3.7 |
| VIB | 61.8 | 1,235,655 | -2 | TRUNG TÍNH | 68,560 | 13.1 | 3.5 |
| VIC | 122.9 | 2,082,695 | -4 | TIÊU CỰC | 415,701 | 56.5 | 5.2 |
| VIX | 27.9 | 8,481,580 | -2 | TRUNG TÍNH | 3,563 | 5.3 | 1.7 |
| VJC | 111 | 533,235 | -4 | TIÊU CỰC | 60,119 | 49.2 | 4.0 |
| VND | 44.5 | 5,304,395 | 7 | KHẢ QUAN | 9,546 | 8.2 | 2.1 |
| VNM | 88 | 4,645,555 | 0 | TRUNG TÍNH | 183,916 | 18.8 | 5.9 |
| VPB | 66.8 | 27,844,104 | 4 | KHẢ QUAN | 163,977 | 14.4 | 2.9 |
| VPI | 34.6 | 1,253,800 | -2 | TRUNG TÍNH | 6,920 | 22.7 | 2.5 |
| VRE | 29.5 | 7,406,235 | -4 | TIÊU CỰC | 67,033 | 25.1 | 2.2 |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed báo hiệu có thể thắt chặt chính sách nếu kinh tế cải thiện nhanh chóng

Các quan chức Fed cho biết đà tăng mạnh của hoạt động kinh tế có thể thúc các quan chức xem xét thắt chặt chính sách tiền tệ, theo biên bản họp tháng 4/2021. “Nhiều quan chức tham gia đề xuất, trong trường hợp nền kinh tế tiếp tục hồi phục nhanh chóng hướng tới các mục tiêu của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC), việc bắt đầu bàn luận kế hoạch điều chỉnh nhịp độ mua trái phiếu trong những cuộc họp tới có thể là hợp lý”, trích từ biên bản họp của Fed. Thị trường đang theo dõi sát sao để tìm kiếm manh mối về thời điểm Fed bắt đầu “khóa van” mua trái phiếu. Hiện tại, Fed đang mua ít nhất 120 tỷ USD trái phiếu mỗi tháng. Số dư trên bảng cân đối kế toán gần mức 7.9 ngàn tỷ USD, gần gấp đôi mức trước dịch Covid-19. Các quan chức Fed đã rất kiên quyết cho rằng sẽ không thay đổi chính sách cho tới khi đạt được mục tiêu kinh tế, nhất là về việc làm và lạm phát. Đây là biên bản họp đầu tiên cho thấy các quan chức Fed báo hiệu việc giảm bớt nhịp độ mua trái phiếu có thể diễn ra, mặc dù chưa có thời gian biểu cụ thể.

Nhập siêu 1,9 tỷ USD trong nửa đầu tháng 5/2021

Theo báo cáo được Tổng cục Hải quan công bố chiều 19/5, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đang chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 khi kim ngạch xuất khẩu tiếp tục chiều hướng giảm, cán cân thương mại nghiêng về hướng nhập siêu. Cụ thể, 15 ngày đầu tháng 5/2021, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 11,9 tỷ USD giảm 1,93 tỷ USD so với nửa cuối tháng 4/2021. Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/5, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 116,8 tỷ USD. Trong đó, 4 nhóm hàng chủ lực có kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; dệt may. Từ chiều ngược lại, tổng kim ngạch nửa đầu tháng 5 đạt 13,8 tỷ USD nhỉnh hơn đôi chút so với con số 13,76 tỷ USD của nửa cuối tháng 4 trước đó. Tính chung từ đầu năm đến ngày 15/5/2021, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 117,15 tỷ USD. Nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất trong nửa đầu tháng 5 là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với 2,72 tỷ USD. Ngoài ra, còn một nhóm hàng nhập khẩu “tỷ USD” là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt gần 2,1 tỷ USD. Với mức thâm hụt tới 1,9 tỷ USD trong nửa đầu tháng 5, nên lũy kế từ đầu năm đến 15/5/2021, cán cân thương mại đảo chiều khi nước ta đã nhập siêu 350 triệu USD.

Sabeco, FPT, Vinatex... có tên trong danh sách thoái vốn 2021 của SCIC

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã công bố danh sách dự kiến thoái vốn trong năm 2021 với 88 doanh nghiệp. Đáng chú ý là Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco, HoSE: SAB) cũng lọt danh sách này, trong khi năm 2020 không xuất hiện. Điều này là do tháng 8/2020, SCIC mới nhận chuyển nhượng 230 triệu cổ phần tại Sabeco từ Bộ Công Thương, tương ứng 36% vốn. Giá trị vốn đầu tư của nhà nước tại Sabeco chuyển giao về SCIC là 2.309 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Ngoài ra còn một số tổng công ty khác mới tiếp nhận năm 2020 cũng được đưa vào danh sách thoái vốn năm nay như Tổng công ty Sông Đà (UPCoM: SJG), Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (UPCoM: VIW), Tổng công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 (UPCoM: FIC). Các doanh nghiệp còn lại đa phần là những cái tên quen thuộc đã xuất hiện trong các năm trước như FPT (HoSE: FPT), Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (HoSE: NTP), Tổng CTCP Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex, UPCoM: VOC)... cũng như các tập đoàn kinh tế lớn như Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT), Tập đoàn Bảo Việt (HoSE: BVH).

Ký cấp sổ hồng cho người dân trong vòng 24 giờ

Ngày 20.5, thông tin từ Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cho biết, ông Nguyễn Toàn Thắng, Giám đốc Sở đã ký Quyết định số 502 về việc cấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (sổ hồng). Quyết định này nhằm cụ thể hóa một số nội dung tại Quyết định 08/2021 ngày 21.4.2021 của UBND TP ban hành trước đó. Theo đó, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 21 quận huyện và TP. Thủ Đức được cấp, hủy sổ hồng với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 29.4.2021 của UBND TPHCM. Quyết định 08 quy định, các loại hồ sơ nêu trên sẽ được giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ký, sau đó chuyển hồ sơ về Văn phòng Đăng ký đất đai TP.HCM đóng dấu rồi chuyển trả về cho người dân. Khi các chi nhánh ký cấp sổ hồng xong, tất cả hồ sơ chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai TP.HCM để đóng dấu. Thời gian thực hiện là 24 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ, xác nhận danh sách, đóng dấu và cập nhật, chuyển hồ sơ trả về chi nhánh để trả ra cho người dân.

CMX: chào bán 30 triệu cổ phiếu nâng vốn gấp đôi

CTCP Camimex Group (HoSE: CMX) thông báo Nghị quyết HĐQT triển khai phương án chào bán 30,4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 608 tỷ đồng. Giá phát hành là 10.000 đồng/cp, thấp hơn 26% thị giá (13.500 đồng/cp). Doanh nghiệp dự thu về 304 tỷ đồng, trong đó 199 tỷ để trả nợ vay và công nợ Công ty cổ phần Camimex, 105 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu. Trên thị trường cổ phiếu CMX đang giao dịch quanh mức 13.500 đồng/cp, giảm khoảng 25% so với thời điểm đầu năm. Năm 2020, Camimex ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.425 tỷ đồng, tăng gấp rưỡi so với cùng kỳ năm trước đó. Tuy vậy, do chi phí tăng cao nên lợi nhuận sau thuế ghi nhận đạt hơn 60 tỷ đồng, giảm 23%; trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 47 tỷ đồng. Quý I năm nay, doanh nghiệp tóm báo cáo doanh thu giảm 25% xuống 214 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 11 tỷ đồng, giảm 29% do chi phí quản lý và chi phí bán hàng tăng

AGM: Nguyễn Kim muốn thoái hết 51% vốn

CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim vừa đăng ký bán thỏa thuận toàn bộ 9,4 triệu cổ phiếu Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex, HoSE: AGM) tương đương 51,85% để bổ sung vốn cho hoạt động của công ty. Thời gian giao dịch dự kiến từ 24/5 đến 18/6. Hiện người nội bộ là ông Lê Huỳnh Gia Hoàng – Chủ tịch Angimex là Giám đốc Đầu tư của Nguyễn Kim. Ông Nguyễn Ái là Trưởng Ban kiểm soát Angimex, đồng thời là Trưởng ban kiểm toán nội bộ Nguyễn Kim.

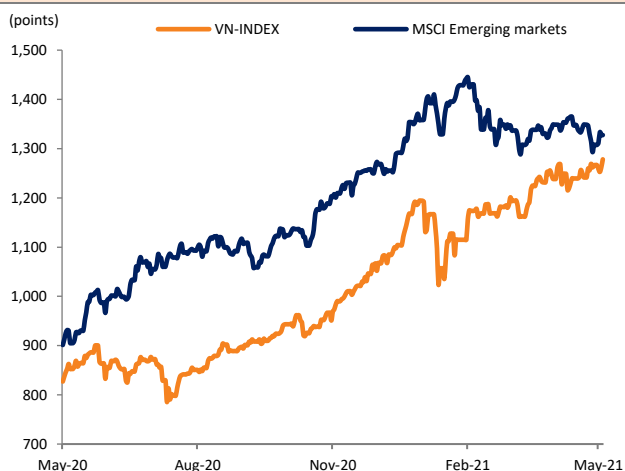
FPTS: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 10%

HĐQT Chứng khoán FPT (FPTS – HoSE: FTS) thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 5%, 1 cổ phiếu được nhận 500 đồng. Với hơn 132,2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, FPTS sẽ chi khoảng 66,1 tỷ đồng để trả cổ tức. Ngày thanh toán là 5/7. Công ty cũng dự kiến phát hành 13,2 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 10 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phiếu mới. Sau phát hành, vốn điều lệ tăng từ 1.322 tỷ đồng lên gần 1.455 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông hưởng cổ tức và quyền mua cổ phiếu là 1/6.

PNJ: Doanh thu và lợi nhuận thấp nhất từ đầu năm

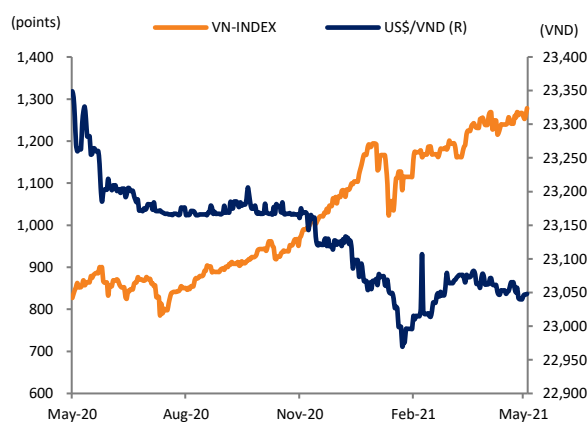
Công ty vàng bạc đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo doanh thu thuần tháng 4 đạt 1.851 tỷ đồng, gấp 3,7 lần cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 85 tỷ đồng, tháng 4/2020 lỗ 102 tỷ đồng. Tháng 4/2020, PNJ báo lỗ do phải đóng cửa tạm thời các cửa hàng theo chỉ thị giãn cách xã hội của Chính phủ. Tuy nhiên, đây là mức doanh thu và lợi nhuận thấp nhất ghi nhận theo tháng của PNJ tính từ đầu năm.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



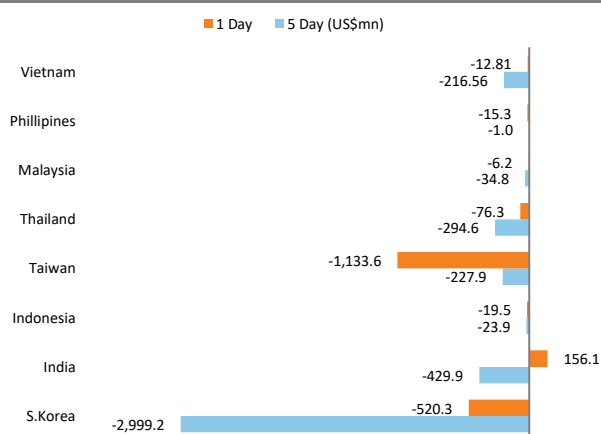
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



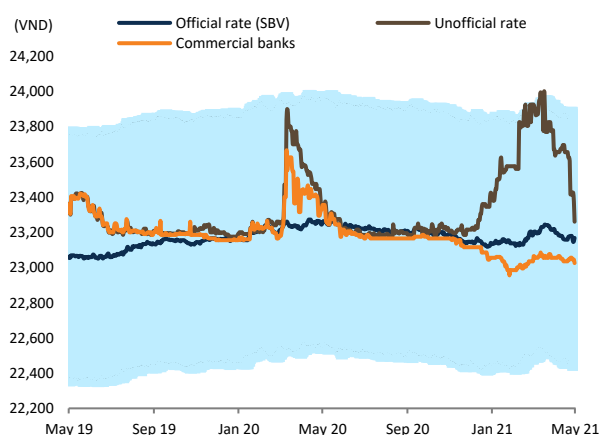
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



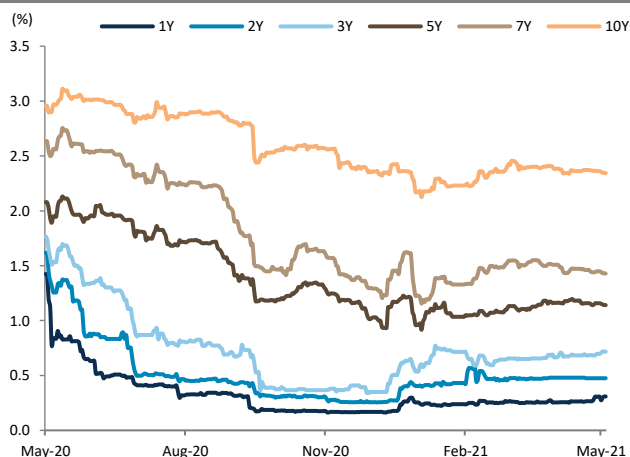
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



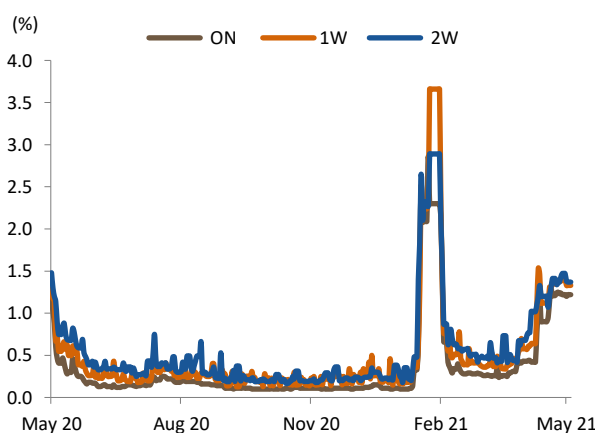
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

| Tên công ty | Mã | Giá (VND) | Vốn hóa (VND bn) | Sở hữu khối ngoại (%) | Biến động giá (%) | | | | P/E (x)* | | P/B (x)* | | Tăng trưởng EPS (%)* | | ROE (%)* | |
|---|-------------------|-----------------|---------------------|--------------------------|-------------------|------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | | | 1D | 1W | 1M | 1Y | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 |
| VN30 Index | VN30 Index | 1,424.92 | 3,376,164 | | 1.7 | 4.0 | 8.6 | 77.4 | 14.9 | 12.2 | 2.6 | 2.3 | 7.1 | 22.5 | 20.0 | 19.9 |
| NHTMCP Đầu tư & Phát triển | BID VN | 41,850 | 168,321 | 16.7 | 2.3 | -1.8 | -3.1 | 6.9 | 17.0 | 12.8 | 1.9 | 1.6 | 70.3 | 32.2 | 12.1 | 14.8 |
| Tập đoàn Bảo Việt | BVH VN | 52,800 | 39,195 | 27.4 | -0.8 | -5.0 | -12.0 | 6.7 | 22.7 | 19.5 | 1.9 | 1.7 | 12.2 | 16.0 | 8.3 | 9.3 |
| NHTMCP Công thương Việt Nam | CTG VN | 48,900 | 182,074 | 25.7 | 1.9 | 5.2 | 16.4 | 119.3 | 10.7 | 9.7 | 1.8 | 1.6 | 24.6 | 9.8 | 19.7 | 19.7 |
| CTCP FPT | FPT VN | 95,500 | 75,360 | 49.0 | 5.2 | 13.7 | 15.2 | 95.3 | 18.9 | 16.0 | 4.1 | 3.6 | 22.3 | 18.7 | 24.5 | 25.7 |
| TCT Khí Việt Nam | GAS VN | 80,800 | 154,647 | 2.5 | -1.0 | -5.6 | -8.2 | 8.9 | 15.3 | 14.6 | 2.9 | 2.7 | 31.2 | 5.0 | 19.3 | 19.9 |
| NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh | HDB VN | 32,000 | 51,001 | 17.3 | 1.7 | 5.6 | 17.6 | 125.2 | 9.4 | 7.9 | 1.9 | 1.6 | 28.2 | 19.0 | 20.4 | 20.5 |
| Tập đoàn Hoà Phát | HPG VN | 66,600 | 220,665 | 29.5 | 0.8 | 8.3 | 16.4 | 202.2 | 10.9 | 9.1 | 2.8 | 2.5 | 59.4 | 19.6 | 27.9 | 26.2 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | KDH VN | 36,500 | 20,396 | 31.7 | 2.0 | -0.5 | 6.9 | 72.6 | 16.7 | 12.8 | 2.3 | 2.0 | 6.1 | 30.2 | 14.9 | 17.1 |
| NHTMCP Quân đội | MBB VN | 34,500 | 96,557 | 23.0 | 0.0 | 4.7 | 13.1 | 131.5 | 9.2 | 7.7 | 1.7 | 1.4 | 26.9 | 19.2 | 20.1 | 20.3 |
| Tập đoàn Masan | MSN VN | 113,600 | 133,444 | 32.8 | 5.2 | 10.3 | 7.7 | 78.1 | 49.0 | 28.2 | 6.5 | 5.2 | 119.8 | 73.7 | 13.9 | 19.3 |
| CTCP Thế giới di động | MWG VN | 150,000 | 71,315 | 49.0 | 5.9 | 7.1 | 5.3 | 73.4 | 14.3 | 11.4 | 3.5 | 3.0 | 21.3 | 25.2 | 27.6 | 27.8 |
| Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | NVL VN | 141,000 | 152,525 | 7.8 | -0.7 | 5.2 | 30.0 | 168.6 | 34.8 | 25.0 | 4.5 | 3.7 | 1.9 | 38.9 | 13.3 | 15.7 |
| CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | PDR VN | 73,000 | 35,534 | 3.1 | 4.0 | 2.7 | 2.7 | 285.9 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam | PLX VN | 54,400 | 67,663 | 15.7 | 0.4 | 0.7 | 2.8 | 16.1 | 20.7 | 16.7 | 2.9 | 2.8 | 283.2 | 24.1 | 16.5 | 17.3 |
| CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận | PNJ VN | 99,300 | 22,577 | 49.0 | 6.2 | 5.3 | 5.2 | 55.2 | 18.1 | 14.2 | 3.9 | 3.2 | 27.3 | 27.6 | 22.7 | 23.9 |
| TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam | POW VN | 11,450 | 26,814 | 3.3 | -2.1 | -6.1 | -11.9 | 12.3 | 12.6 | 10.6 | 0.9 | 0.8 | -9.2 | 19.1 | 7.4 | 8.1 |
| CTCP Cơ điện lạnh | REE VN | 58,400 | 18,049 | 49.0 | 6.2 | 6.2 | 12.3 | 86.0 | 9.9 | 8.3 | 1.4 | 1.6 | 12.1 | 19.0 | 14.8 | 12.9 |
| CTCP Mía đường TTC Tây Ninh | SBT VN | 19,300 | 11,911 | 8.6 | -1.8 | -7.0 | -8.7 | 29.1 | 16.6 | NA | 1.4 | NA | 95.8 | NA | 8.0 | NA |
| CTCP Chứng Khoán Sài Gòn | SSI VN | 38,500 | 24,866 | 45.9 | 6.9 | 9.8 | 12.9 | 169.2 | 17.2 | 16.0 | NA | NA | 14.3 | 7.1 | 12.7 | 12.8 |
| NHTMCP Sài Gòn Thương Tín | STB VN | 29,400 | 53,027 | 11.9 | 3.2 | 11.8 | 30.7 | 182.7 | 23.0 | 14.1 | 1.8 | 1.5 | 2.6 | 63.2 | 10.0 | 12.6 |
| NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam | TCB VN | 50,200 | 175,946 | 22.5 | 0.2 | 4.6 | 22.0 | 138.5 | 11.3 | 9.7 | 2.0 | 1.6 | 26.4 | 16.4 | 19.0 | 18.4 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy | TCH VN | 21,950 | 8,548 | 10.7 | 0.5 | -0.2 | -3.5 | -1.6 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | TPB VN | 33,000 | 34,045 | 30.0 | 0.3 | 4.8 | 18.7 | 83.7 | 8.2 | 6.3 | 1.6 | 1.3 | 18.3 | 30.3 | 23.5 | 23.4 |
| NHTMCP Ngoại Thương VN | VCB VN | 99,000 | 367,179 | 23.3 | 5.2 | 2.3 | -3.9 | 24.4 | 17.2 | 13.8 | 3.1 | 2.6 | 29.1 | 24.2 | 20.6 | 21.6 |
| Công ty Cổ phần Vinhomes | VHM VN | 102,000 | 335,530 | 22.5 | 1.6 | 5.2 | -6.1 | 32.3 | 10.9 | 9.1 | 2.9 | 2.2 | 12.1 | 20.4 | 31.2 | 28.4 |
| Tập đoàn Vingroup | VIC VN | 122,900 | 415,701 | 14.5 | 2.3 | -2.8 | -14.1 | 27.2 | 57.2 | 42.3 | 4.5 | 4.0 | 27.2 | 35.0 | 8.1 | 10.4 |
| CTCP Hàng Không Vietjet | VJC VN | 111,000 | 60,119 | 18.9 | 0.9 | -5.1 | -15.3 | -2.4 | 53.7 | 19.0 | 3.5 | 2.8 | 1,476.7 | 182.7 | 5.2 | 18.8 |
| CTCP Sữa Việt Nam | VNM VN | 88,000 | 183,916 | 55.0 | 0.6 | -2.8 | -11.4 | -7.4 | 17.3 | 16.0 | 5.4 | 5.0 | 6.6 | 7.9 | 34.3 | 34.4 |
| NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng | VPB VN | 66,800 | 163,977 | 22.1 | -1.0 | 2.6 | 34.9 | 171.5 | 13.5 | 11.3 | 2.2 | 1.8 | 15.8 | 19.7 | 19.3 | 17.5 |
| CTCP Vincom Retail | VRE VN | 29,500 | 67,033 | 29.7 | 0.5 | -4.5 | -14.7 | 11.1 | 23.5 | 18.8 | 2.1 | 1.9 | 19.6 | 24.9 | 9.3 | 10.5 |

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

| Nhóm ngành (Chuẩn GICS) | Điểm tác động (VN-Index 1D) | Vốn hóa (VND bn) | Biến động giá (%) | | | | P/E (X)* | | P/B (X)* | | Tăng trưởng EPS (%)* | | ROE (%)* | |
|--------------------------------|--------------------------------|---------------------|-------------------|------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | 1D | 1W | 1M | 1Y | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 |
| VN-Index | 15.73 | 4,730,527 | 1.2 | 1.3 | 0.8 | 49.9 | 15.6 | 12.6 | 2.5 | 2.2 | 11.7 | 23.4 | 18.4 | 18.7 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.01 | 8,105 | 0.4 | -1.4 | -1.3 | 38.7 | 6.0 | 5.6 | 1.1 | 1.0 | 32.4 | 7.3 | 11.9 | 11.3 |
| Ngân hàng | 8.67 | 1,594,263 | 2.1 | 2.4 | 11.6 | 74.1 | 12.8 | 10.4 | 2.1 | 1.8 | 28.5 | 21.0 | 18.3 | 18.6 |
| Xây dựng cơ bản | -0.12 | 167,363 | -0.2 | -2.4 | -2.8 | 76.2 | 6.0 | 4.0 | 0.4 | 0.4 | 5.2 | 35.9 | 5.5 | 6.1 |
| Dịch vụ thương mại | 0.00 | 4,265 | -0.3 | -1.8 | -5.8 | 14.6 | 6.1 | 4.8 | NA | NA | 31.9 | 26.2 | 11.1 | 13.0 |
| May mặc và trang sức | 0.32 | 42,570 | 3.1 | 1.1 | 0.0 | 138.3 | 13.9 | 11.4 | 2.9 | 2.4 | 32.0 | 24.1 | 19.4 | 19.1 |
| Dịch vụ tiêu dùng | -0.01 | 8,081 | 0.1 | -2.4 | -11.2 | 15.0 | 10.6 | 3.6 | NA | NA | NA | NA | 3.4 | 9.1 |
| Dịch vụ tài chính | 0.84 | 67,938 | 4.9 | 5.6 | 12.0 | 147.0 | 12.1 | 5.9 | 0.4 | NA | 12.1 | 7.1 | 10.3 | 4.7 |
| Năng lượng | -0.02 | 83,839 | 0.0 | -1.2 | 0.6 | 25.3 | 20.4 | 15.5 | 2.5 | 2.3 | NA | 30.9 | 14.3 | 15.2 |
| Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá | 1.53 | 507,840 | 1.2 | -0.1 | -5.1 | 21.5 | 24.3 | 17.1 | 4.6 | 4.0 | 47.2 | 30.0 | 21.8 | 23.0 |
| Dịch vụ và thiết bị y tế | 0.00 | 875 | -0.1 | -0.4 | -3.8 | 42.0 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Hàng cá nhân và gia dụng | 0.00 | 1,857 | -0.2 | -0.9 | -2.7 | -7.6 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Bảo hiểm | -0.06 | 46,279 | -0.5 | -4.2 | -9.6 | 9.0 | 20.2 | 17.4 | 1.7 | 1.6 | 12.1 | 15.9 | 7.6 | 8.5 |
| Nguyên vật liệu | -0.45 | 447,987 | -0.3 | 2.6 | 9.3 | 152.2 | 12.2 | 11.5 | 2.1 | 1.4 | 48.4 | 7.1 | 19.5 | 17.9 |
| Giải trí và truyền thông | -0.01 | 1,601 | -1.7 | -5.4 | -13.1 | -26.9 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Dược phẩm | -0.03 | 34,577 | -0.1 | -2.7 | -3.7 | 49.8 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Bất động sản | 3.75 | 1,199,837 | -0.3 | 0.6 | 0.8 | 20.8 | 8.8 | 7.7 | 1.6 | 1.5 | 13.3 | 12.8 | 9.3 | 9.6 |
| Bán lẻ | 1.05 | 79,673 | 1.2 | 0.9 | -4.1 | 60.7 | 29.2 | 21.8 | 3.1 | 2.7 | 21.6 | 30.4 | 14.5 | 15.1 |
| Phần mềm và dịch vụ | 1.00 | 79,538 | 5.3 | 4.8 | 4.8 | 70.1 | 13.3 | 10.6 | 3.2 | 2.7 | 30.6 | 25.3 | 25.3 | 25.5 |
| Thiết bị và phần cứng | 0.03 | 5,956 | 5.0 | 11.9 | 14.6 | 92.5 | 18.0 | 15.1 | 3.9 | 3.4 | 25.3 | 19.2 | 23.2 | 24.3 |
| Dịch vụ viễn thông | -0.02 | 1,258 | 2.2 | 5.7 | 15.7 | 405.5 | 15.1 | 12.5 | 4.0 | 3.2 | 48.0 | 20.3 | 27.0 | 27.6 |
| Vận tải | -0.16 | 154,542 | -5.6 | 3.3 | 0.0 | 298.1 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Tiện ích | -0.66 | 235,518 | -0.4 | -3.1 | -10.0 | 18.1 | 23.7 | 9.5 | 4.1 | 3.3 | NA | 66.4 | -17.7 | 10.8 |

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

| Mã CP | Thị giá | % Thay đổi (1D) | Khối lượng | Điểm tác động |
|--------|---------|-----------------|------------|---------------|
| VCB VN | 99,000 | 5.2 | 1,904,100 | 4.8 |
| VIC VN | 122,900 | 2.3 | 2,084,900 | 2.5 |
| MSN VN | 113,600 | 5.2 | 2,826,500 | 1.7 |
| VHM VN | 102,000 | 1.6 | 3,923,100 | 1.4 |
| MWG VN | 150,000 | 5.9 | 1,409,800 | 1.0 |
| BID VN | 41,850 | 2.3 | 3,495,000 | 1.0 |
| FPT VN | 95,500 | 5.2 | 3,523,900 | 1.0 |
| CTG VN | 48,900 | 1.9 | 14,056,500 | 0.9 |
| MSB VN | 24,850 | 6.9 | 22,779,300 | 0.5 |
| ACB VN | 37,400 | 2.2 | 12,263,200 | 0.5 |

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

| Mã CP | Thị giá | % Thay đổi (1D) | Khối lượng | Điểm tác động |
|--------|---------|-----------------|------------|---------------|
| GVR VN | 24,700 | -2.6 | 4,030,800 | -0.7 |
| VPB VN | 66,800 | -1.0 | 34,350,700 | -0.5 |
| GAS VN | 80,800 | -1.0 | 714,400 | -0.4 |
| HVN VN | 25,900 | -3.0 | 1,289,500 | -0.3 |
| NVL VN | 141,000 | -0.7 | 3,466,500 | -0.3 |
| SAB VN | 152,100 | -0.9 | 122,100 | -0.2 |
| KBC VN | 30,700 | -5.5 | 7,611,200 | -0.2 |
| POW VN | 11,450 | -2.1 | 14,892,600 | -0.2 |
| FLC VN | 12,100 | -5.5 | 18,741,500 | -0.1 |
| VGC VN | 31,600 | -3.1 | 180,100 | -0.1 |

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.